



MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC GIA ĐÌNH Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI KINH TẾ

NGUYỄN THỊ THU MAI - Email: nguyenthumai@gmail.com

Viện Đại học Mở Hà Nội

NGUYỄN THỊ THANH THỦY - Email: thuynguyenthanh89@gmail.com

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Tóm tắt: Những biến đổi không ngừng của đời sống xã hội trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế đã có những tác động mạnh mẽ đến việc giáo dục con cái của các gia đình ở nông thôn Việt Nam. Sự quan tâm của các bậc cha mẹ ở nông thôn trong việc giáo dục đạo đức, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ và định hướng học hành cũng như đầu tư cho con cái phát triển được thực hiện gắn kết nhiều hơn với mục tiêu việc làm và thu nhập. Kết quả nghiên cứu về thực trạng giáo dục gia đình trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế được thực hiện tại khu vực nông thôn thuộc các tỉnh thành Vinh Phúc, Thái Bình, Quảng Ngãi, Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó, các thành viên trong gia đình, cộng đồng cần nêu cao ý thức và thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục gia đình và tham gia giáo dục cùng nhà trường hướng tới cải thiện chất lượng và kết quả giáo dục cho thế hệ tương lai.

Từ khóa: Giáo dục gia đình; nông thôn; chuyển đổi kinh tế.

(Nhận bài ngày 04/9/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 17/10/2017; Duyệt đăng ngày 25/12/2017).

1. Đặt vấn đề

Cùng với giáo dục (GD) nhà trường, GD gia đình (GDGD) có ảnh hưởng quan trọng đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người. GDGD có thể được hiểu là những tác động của gia đình (GD) đối với sự hình thành và phát triển nhân cách các thành viên trong GD, đặc biệt là lớp trẻ. Trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế (CĐKT) của đất nước, chiến lược GD của các hộ GD nông thôn đã thay đổi đáng kể khi tập trung các nguồn lực cho con cái học hành và tiếp cận môi trường đô thị với mong muốn thay đổi tương lai con cái, cải thiện điều kiện sống của GD. Khi việc học tập (HT) để nâng cao trình độ học vấn trở thành giải pháp và hành vi mang tính tập thể của các GD thì GDGD ở nông thôn cũng có những thay đổi đáng kể. Bài viết này tập trung vào phân tích một số kết quả nghiên cứu thực tiễn về GDGD ở một số khu vực nông thôn Việt Nam trong bối cảnh CĐKT.

2. Nội dung nghiên cứu

Mặc dù, trong bối cảnh kinh tế hiện nay, công nghiệp chưa trở thành trụ cột trong nền kinh tế của đất nước nhưng quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ gắn với định hướng kinh tế thị trường đã khiến nông thôn nước ta có nhiều thay đổi. Trong những năm qua, kết cấu hạ tầng nông thôn được nâng cấp và dần hoàn thiện, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp có chuyển biến tích cực, hướng tới xuất khẩu và phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Năm 2016, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỉ trọng 16,32%; Công nghiệp và xây dựng chiếm 32,72%; Dịch vụ chiếm

40,92%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,04% (Tổng cục Thống kê). Kinh tế hộ GD ở nông thôn phát triển theo hướng tăng nhanh tỉ lệ hộ phi nông nghiệp, giảm tỉ lệ hộ nông, lâm nghiệp. Số hộ kinh doanh cá thể ở nông thôn tăng lên nhanh chóng đã làm thay đổi đáng kể cơ cấu nguồn thu của GD, đời sống kinh tế của các GD ở nông thôn đã được cải thiện rõ nét. Trong bối cảnh CĐKT, nhìn chung các chức năng GDGD ở nông thôn vẫn được coi trọng. Đồng thời, khi nhận được thức được tầm quan trọng của việc GD và HT của con cái, việc quan tâm, GD, định hướng và đầu tư cho con cái của các GD cũng được chú trọng. Tuy nhiên, cơ cấu CĐKT từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp cùng với sự hình thành, phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất và hiện tượng di cư gia tăng... đã đặt ra rất nhiều thách thức đối với vấn đề GDGD ở nông thôn. Kết quả nghiên cứu thực hiện tại các khu vực nông thôn thuộc 05 tỉnh thành ở Việt Nam gồm Vinh Phúc, Thái Bình, Quảng Ngãi, Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh cho thấy một bức tranh khá sinh động về thực trạng GDGD ở nông thôn.

2.1. Thực trạng nhận thức của gia đình về tầm quan trọng và vai trò của việc học tập đối với con cái trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế

Trong bối cảnh hiện nay, có trình độ học vấn được hầu hết các hộ GD nhìn nhận là điều kiện để tìm kiếm việc làm, thoát nghèo, phát triển kinh tế và nâng cao vị thế xã hội. Kết quả khảo sát cho thấy, với nhận thức này, 67,6% số cha mẹ ở các khu vực tham gia khảo sát thống nhất rằng HT là việc quan trọng. Theo đó, 67,3% có quan điểm là phải tìm mọi cách để cho con đi học, chỉ có

1,5% cho rằng học không quan trọng bằng có việc làm và 0,2% không quan tâm đến việc HT của con cái. Lí do quan trọng giải thích cho việc không coi trọng chuyên học hành của con vì họ có trình độ học vấn thấp và dành quỹ thời gian chủ yếu để kiếm sống. Trước những tác động tiêu cực của quá trình CĐKT như: Việc cha mẹ phải đi làm lên đến 12 giờ/ngày trong các khu công nghiệp, việc hình thành nhanh chóng các tụ điểm ăn chơi ở khu vực nông thôn cùng với lối sống gấp và những tệ nạn vốn ban đầu chỉ có ở đô thị cũng tràn về nông thôn..., phần lớn các hộ GD không chỉ quan tâm đến việc học hành của con mà họ còn ý thức rõ cần phải GD, dạy dỗ con tránh xa các tệ nạn. Đối với họ, “việc dạy dỗ để con ngoan ngoãn, không bị vướng vào các tệ nạn xã hội, có trình độ, hiểu biết để tìm được công ăn việc làm ổn định là cần thiết” (Ý kiến của cha mẹ học sinh (HS) ở các tỉnh Thái Bình và Vĩnh Phúc tham gia tọa đàm).

Với mong muốn chung “cho con đi học để đổi đời, thoát li khỏi cuộc sống nông nghiệp bấp bênh phụ thuộc vào thời tiết thiên nhiên và đầu ra của sản phẩm nông nghiệp quá rẻ” (Ý kiến của cha mẹ HS ở các tỉnh Thái Bình, Vĩnh Phúc và Quảng Ngãi tham gia tọa đàm), những mục đích quan trọng nhất khi cho con đi học mà cha mẹ HS xác định rất đa dạng. Tại các tỉnh được khảo sát, 86,8% cha mẹ HS xác định cho con đi học để sau này có việc làm ổn định; 51,2% xác định học để có cuộc sống tốt hơn; 38,9% xác định học để phát huy truyền thống GD; 21,8% xác định học để có thu nhập cao hơn; 12,9% xác định học để bằng bạn bè. Từ kết quả trên có thể thấy, phần lớn các GD ở nông thôn đều nhận thức được tầm quan trọng của việc học đối với con cái, đặc biệt trong bối cảnh CĐKT. Cùng với những mục đích được đặt ra khá rõ ràng khi cho con đi học, việc GD và quan tâm đầu tư của GD đối với con cái cũng được thể hiện cụ thể.

2.2. Thực trạng giáo dục đạo đức, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ và định hướng học hành cho con cái ở các gia đình khu vực nông thôn

Ở các địa phương tham gia khảo sát, nhìn chung, mức độ quan tâm của cha mẹ đối với việc GD đạo đức, sức khỏe và việc học của con cái đều được thể hiện với tỉ lệ tương đối cao, trong đó việc GD đạo đức với quan niệm truyền thống “Tiên học lễ, hậu học văn” được các GD đánh giá cao nhất. Theo quan điểm của cha mẹ HS, bên cạnh những tác động tích cực do quá trình CĐKT mang lại như kinh tế hộ phát triển, thu nhập tăng, đời sống được cải thiện... thì những tác động tiêu cực như sự phân hóa giàu nghèo, tình cảm con người trong cộng đồng bớt gắn bó, quan hệ GD, dòng họ lỏng lẻo hơn. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã làm các dịch vụ giải trí gia tăng, tệ nạn xã hội phát triển, đạo đức xã hội xuống cấp trong khi cha mẹ lại bận rộn làm ăn, ít có điều kiện quan tâm đến con. Đây đều là những thách thức đối với GDGD. Trong số 342 cha mẹ HS tham

gia khảo sát, có 92% khẳng định thường xuyên uốn nắn thái độ và GD đạo đức cho con cái khi có đủ nhận thức về những vấn đề này. Điều này cho thấy rằng trong bối cảnh CĐKT, hầu hết các bậc cha mẹ vẫn đề cao giá trị đạo đức và chuẩn mực truyền thống trong GDGD. Vấn đề kế tiếp nhận được quan tâm của GD sau GD đạo đức là vấn đề sức khỏe với 91,7% cha mẹ thường xuyên có các hoạt động chăm sóc sức khỏe con cái. Điều này cho thấy các GD ở nông thôn đã có sự quan tâm nhiều hơn đến việc phát triển thể lực của con. Sự quan tâm của cha mẹ đến việc HT của con thể hiện qua các hoạt động cụ thể được sắp xếp theo mức độ quan tâm giảm dần như sau: Thường xuyên đi họp phụ huynh (91,3%); Thường xuyên định hướng HT cho con (77,7%); Thường xuyên tham gia vào quá trình HT của con (60,6). Việc trao đổi với giáo viên, phụ huynh khác và bạn bè con tăng lên (được đề cập cụ thể ở nội dung tiếp theo). Kết quả này cho thấy sự quan tâm tham gia phối hợp của GD với nhà trường, xã hội trong GD con cái vẫn được duy trì khá tốt và có phần tích cực hơn. Kết quả tọa đàm cùng cha mẹ HS cũng cho thấy, ở nhà, cha mẹ thường quan tâm, nhắc nhở và khuyến khích con học hành, lấy truyền thống hiếu học của địa phương, dòng họ... để làm gương cho con cái. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy, còn một bộ phận cha mẹ chưa quan tâm đúng mức đến con cái. Lí do chủ yếu là hoàn cảnh gia đình như cha/mẹ đi làm xa, cha mẹ ở nhà nhưng đi làm cả ngày, không có thời gian cho con.

Nhu cầu sinh kế trong quá trình CĐKT đã dẫn đến sự đa dạng trong việc định hướng GD cho con cái của các GD, phù hợp với xu hướng chuyển đổi mô hình kinh tế - từ nông nghiệp truyền thống sang mô hình kinh doanh, đa dạng hóa các nguồn sinh kế. Vấn đề được cha mẹ quan tâm, đặt lên hàng đầu khi định hướng HT cho con là việc làm và thu nhập do nghề nghiệp mang lại sau khi ra trường. Kết quả khảo sát tại các địa phương cho thấy, có 11,3% số cha mẹ muốn con biết kinh doanh, buôn bán giỏi và giàu có; 40% cha mẹ muốn con có nghề nghiệp ổn định và thu nhập cao; 16,6% cha mẹ muốn con có địa vị cao trong xã hội và nhiều người biết đến; 28,6% cha mẹ muốn con có trình độ từ đại học trở lên và có nghề nghiệp phù hợp, chỉ có 3,3% muốn con trở thành người lao động bình thường và có thu nhập ổn định. Theo đó, nhiều GD đã định hướng cho con cái HT và lựa chọn ngành nghề phù hợp với nhu cầu của xã hội - nhu cầu chuyển dịch kinh tế ở địa phương dẫn đến tỉ lệ HS phân luồng vào các cơ sở GD nghề nghiệp sau trung học cơ sở có xu hướng tăng lên, tỉ lệ HS trung học phổ thông thi vào các trường đại học giảm. Rõ ràng, GDGD chịu ảnh hưởng của thực tiễn CĐKT ở địa phương khi việc định hướng HT của cha mẹ đối với con cái ngày càng trở nên thực tế, gắn liền với yếu tố việc làm và thu nhập.

**2.3. Thực trạng đầu tư về thời gian và tài chính trong chăm sóc, giáo dục con cái ở các gia đình khu vực nông thôn**

Nghiên cứu việc cha mẹ đầu tư về thời gian và thể hiện sự quan tâm đến con cái thông qua các hoạt động chăm sóc nhu cầu ăn uống, ngủ nghỉ, chuyện trò, vui chơi, đưa đón, liên hệ với nhà trường và tham gia các hoạt động cùng con cho thấy: Cha mẹ dành thời gian cho con trong các hoạt động nêu trên tăng lên, chiếm tỉ lệ đa số (55,7%) so với tỉ lệ cha mẹ dành thời gian cho con là không đổi (25,3%) hoặc dành thời gian cho con ít đi (19%). Mức tăng giảm thời gian trong các hoạt động cụ thể dành cho con cái của cha mẹ ở khu vực nông thôn được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1: Sự thay đổi trong quỹ thời gian cha mẹ dành cho con cái

Đơn vị: %

Thời gian dành cho các hoạt động	Tăng lên	Giảm đi	Không đổi
Chăm sóc nhu cầu ăn uống ngủ nghỉ	62,3	7,9	29,7
Chuyện trò, tâm sự, vui chơi, giải trí cùng con	54,9	16,9	28,2
Đưa đón con đi học	41,1	24,6	34,4
Liên hệ, trao đổi với giáo viên, phụ huynh khác và bạn bè của con	63,4	5,9	30,7
Cùng con HT	53,6	15,0	31,4
Cùng con làm chung một số việc trong GD	51,0	17,0	31,6

Có thể thấy, ngoại trừ việc đưa đón con đi học, các hoạt động còn lại đều được đa số cha mẹ dành nhiều thời gian tham gia hơn so với trước đây, trong đó việc chăm sóc nhu cầu ăn uống ngủ nghỉ của con và việc liên hệ với giáo viên, phụ huynh khác, bạn bè của con là hai hoạt động có tỉ lệ cha mẹ dành thời gian nhiều hơn so với trước đây. Nguyên nhân chính dẫn đến sự thay đổi về quỹ thời gian cha mẹ dành cho con cái là vì cùng với sự phát triển mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, việc tiếp cận với thông tin, tri thức cũng trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn đối với các GD ở NT. Nhìn chung, các GD nhận thức rõ hơn về sự cần thiết của việc chăm sóc thể chất và GD con cái nên ưu tiên cho các hoạt động liên quan nhiều hơn. Đối với các hoạt động mà thời gian tham gia của cha mẹ trong các hoạt động này giảm sút, những nguyên nhân chính được chỉ ra xếp theo thứ tự giảm dần là: Do công việc của cha mẹ quá bận rộn khi đi làm để có thêm thu nhập cho GD; Do hoàn cảnh GD thay đổi, bố/mẹ đi làm xa; Vì con đã lớn và tự lập được trong một số việc...

Cùng với việc đầu tư về thời gian, các GD ở khu vực nông thôn cũng đặt ưu tiên cho đầu tư tài chính vào việc

học hành của con cái trên tất cả các loại chi phí khác. Kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù đa số các GD ở nông thôn vẫn gặp khó khăn về tài chính khi cho con đi học (59,8%) nhưng chi phí cho GD nói chung, cho việc đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị HT cho con cái nói riêng đều được ưu tiên và tăng lên so với trước đây. Mức độ đầu tư tài chính của các GD ở nông thôn được xếp theo thứ tự ưu tiên cho các hoạt động lần lượt là: Việc HT và đào tạo nghề cho con cái; Khám chữa bệnh; Ăn, mặc; Đầu tư cho sản xuất/tái sản xuất; Làm nhà, mua xe máy, tivi. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, đầu tư của các GD vào sách vở, thiết bị và đồ dùng HT, góc HT... đều tăng lên, thể hiện quyết tâm đầu tư phát triển của GD dành cho con cái. Với định hướng HT gắn với mục tiêu việc làm và thu nhập nên việc ưu tiên đầu tư cho HT và đào tạo nghề của con cái được đặt lên hàng đầu, cao hơn so với trước đây (98% số cha mẹ tham gia khảo sát nhất trí so với con số 95,7% trước đây) đã cho thấy sự kì vọng của các GD ở nông thôn trong việc muốn con cái có cơ hội khẳng định bản thân, cải thiện vị thế xã hội thông qua con đường HT và đào tạo trong bối cảnh ĐCKT. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát, điều kiện kinh tế không đảm bảo cũng là một rào cản lớn đối với việc tiếp cận và duy trì việc HT của HS nông thôn bởi ngoài các lí do sức khỏe kém, chán học hoặc không có khả năng học tập thì nguyên nhân bỏ học chủ yếu của HS là vì nhà nghèo, không đủ chi phí cho việc HT ở trường.

3. Kết luận

Từ thực trạng khảo sát trên cho thấy, bối cảnh chuyển đổi theo hướng kinh tế thị trường đã có những tác động trực tiếp đến vấn đề GD con cái trong các GD ở nông thôn Việt Nam. Phần lớn các GD ở nông thôn đều nhận thức được tầm quan trọng của việc HT đối với con cái và quan tâm GD, đầu tư cho con cái học hành. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế GD, do mưu sinh cuộc sống, do nhận thức hạn chế mà việc GD con cái ở một bộ phận nhỏ các GD ở nông thôn chưa thực sự được quan tâm đúng mức. Vì vậy, trong bối cảnh ĐCKT, Nhà nước cần đặc biệt quan tâm đến những khu vực còn nhiều khó khăn về kinh tế, nhận thức xã hội hạn chế với các hoạt động nâng cao nhận thức, các chính sách về GD hướng đến nhóm đối tượng nghèo và thiệt thòi để thu hẹp khoảng cách về trình độ GD giữa các nhóm có hoàn cảnh xã hội khác nhau. Đối với GD và cộng đồng, việc duy trì, phát huy các giá trị đạo đức tốt đẹp và truyền thống hiếu học cần được khuyến khích, đồng thời các thành viên trong GD, cộng đồng cần nêu cao ý thức và thực hiện tốt nhiệm vụ GDGD và tham gia GD cùng nhà trường hướng tới cải thiện chất lượng và kết quả GD cho thế hệ tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Trần Thị Thái Hà - Nguyễn Thị Thu Mai - Nguyễn

Văn Chiến, (2012), *Một số vấn đề về giáo dục gia đình Việt Nam trong bối cảnh đổi mới*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Thực tại và tương lai gia đình trong thế giới hội nhập, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[2] Trần Thị Thái Hà (chủ biên), (2016), *Giáo dục của các hộ gia đình nông thôn hiện nay - Thực trạng và giải*

pháp, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3] Jonathan Guryan - Erik Hurst - Melissa Kearney, (2008), *Parental Education and Parental Time with Children*, Journal of Economic Perspectives, Volume 22, Number 3, Pages 23-46.

ISSUES OF REAL STATUS OF FAMILY EDUCATION IN VIETNAMESE RURAL AREAS IN THE CONTEXT OF ECONOMIC TRANSITION

NGUYEN THI THU MAI - *Email: nguyenthumai@gmail.com*
Hanoi Open University

NGUYEN THI THANH THUY - *Email: thuynguyenthanh89@gmail.com*
The Vietnam Institute of Educational Sciences

Abstract: *The ever-changing social life in the context of economic transition has had a dramatic impact on children's education in Vietnamese rural families. The rural parents' care in moral education, health care, learning support and direction as well as investment in their development was closely linked to job and income. The research findings on the status of family education in the economic transition were implemented in rural areas of Vinh Phuc, Thai Binh, Quang Ngai, Can Tho and Ho Chi Minh City. As a result, family members and communities should raise their awareness and performance in this task and participate in education with schools towards improving quality and educational outcomes for the next generation.*

Keywords: *Family education; rural area; economic transition.*